

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST
Ngày 21 - 11- 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phạm Văn Quý;

2- Bà Võ Thị Trúc Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị, tham gia phiên tòa: Bà Lê Thuỳ Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị (địa chỉ: Số F- Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị) Toà án nhân dân Khu vực 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2025/TLST-LĐ ngày 11/8/2025 về việc: “*Tranh chấp về vi phạm nghĩa vụ hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXST-LĐ ngày 22/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-LĐ ngày 24/10/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T2;

Địa chỉ: Tòa nhà M, đường Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Hồ Sỹ H, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Sỹ T, sinh năm: 1978; địa chỉ: Khu phố A, phường N, tỉnh Quảng Trị (Văn bản uỷ quyền ngày 18/9/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Abdulmalik Oyindamola A;

Địa chỉ nơi cư trú tại nước ngoài: Số D, Ngõ F A, bang O, N;

Địa chỉ cư trú tại Việt Nam: Số H D, phường N, tỉnh Quảng Trị. **Có mặt.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Sở Nội vụ tỉnh Q;

Địa chỉ: Số G N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Nội vụ tỉnh Q: Bà Lê Thị T1, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan N1, chức vụ: Trưởng phòng Lao động-Việc làm (Văn bản quyền số 29/GUQ-SNV ngày 16/9/2025). Có mặt.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn B;

Địa chỉ: Đường N, xã C, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B: Bà Nguyễn Thị Hồng G, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

4. Người phiên dịch cho bị đơn: Bà Hoàng Thị Kim L, sinh năm: 1985; địa chỉ: Đ, phường N, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[I] Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2 (viết tắt: “Công ty T2”, trình bày:

(1) Ngày 16/8/2023, Công ty T2 và ông Abdulmalik Oyindamola A-Người nước ngoài, Quốc tịch: Negirea (viết tắt: “ông A”) ký Hợp đồng lao động số 28/HĐTV-TTNN (viết tắt: “Hợp đồng số 28”), có thời hạn 24 tháng.

Ngày 28/7/2023, Sở L, nay là Sở Nội vụ (viết tắt: “Sở LĐTB&XH”) cấp Giấy phép lao động số 004804/SLĐ-GP. Theo giấy phép lao động, ông A được làm việc tại Công ty T2, với vị trí: Giáo viên tiếng Anh.

Trong thời gian Hợp đồng số 28 còn hiệu lực, Công ty T2 phát hiện ông A và Công ty TNHH B (viết tắt: “Công ty B”) đã ký Hợp đồng lao động số 34/HĐTV-TTNN ngày 10/11/2024 (viết tắt: “Hợp đồng số 34”) và được Sở LĐTB&XH cấp Giấy phép lao động số 059908 ngày 14/11/2024. Theo giấy phép lao động, ông A được làm việc tại Công ty B, với vị trí: Giáo viên tiếng Anh (viết tắt: “Giấy phép lao động số 059908”).

Công ty T2 cho rằng, hành vi của ông A ký kết Hợp đồng số 34 với Công ty B đã vi phạm khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng số 28, gây thiệt hại cho Công ty T2.

(2) Công ty T2 khởi kiện ông A, với yêu cầu:

- Buộc ông A bồi thường thiệt hại cho Công ty T2, với số tiền: 100.000.000 đồng.

- Hủy Giấy phép lao động số 059908 ngày 14/11/2024 có thời hạn từ ngày 26/11/2024 đến ngày 24/10/2026 do Sở lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Q (nay là Sở nội vụ tỉnh Q) cấp cho ông A và Công ty B.

- Buộc ông A ra khỏi cơ sở lưu trú của Công ty T2 thuê của Công ty Cổ phần K, tại địa chỉ Khu Công nghiệp N, phường N, tỉnh Quảng Trị.

(3) Tại phiên hoà giải cũng như tại phiên tòa, Công ty T2 rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Rút yêu cầu “Buộc ông A ra khỏi cơ sở lưu trú của Công ty T2 thuê của Công ty Cổ phần K, tại địa chỉ Khu Công nghiệp N, phường N, tỉnh Quảng Trị”.

[II] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Abdulmalik Oyindamola A, trình bày:

(1) Thừa nhận có ký Hợp đồng số 28 với Công ty T2 và Hợp đồng số 34 với Công ty B. Việc ký kết 02 hợp đồng lao động nêu trên là hợp pháp. Vì: Không trái quy định của pháp luật Việt Nam, được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao

động (02 Giấy phép lao động); việc ông A ký hợp đồng lao động với Công ty B là do Công ty T2 không bố trí đủ tiết dạy theo Hợp đồng số 28 nên ông tìm thêm công việc để tăng thu nhập, không nhằm cạnh tranh với Công ty T2. Công ty T2, không chứng minh được thiệt hại do ông gây ra.

Vì vậy, ông A phản đối toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(2) Ngoài Hợp đồng số 28 nêu trên, thì ông A với Công ty M còn ký kết Hợp đồng lao động số 72/HĐTV-TTNN ngày 20/9/2023 (viết tắt: “Hợp đồng số 72”), có hiệu lực từ ngày 31/7/2023 (Ngày chính thức ông A đến giảng dạy tại Trung tâm N2 của Công ty T2).

- Nội dung và hình của 02 hợp đồng (Hợp đồng số 28 và Hợp đồng số 72) hoàn toàn giống nhau, chỉ khác nhau: Ngày tháng năm của hợp đồng, thời điểm hợp đồng có hiệu lực và mức lương ông A được hưởng.

- Hợp đồng số 28, làm căn cứ đóng bảo hiểm và cấp giấy phép lao động.

- **Hợp đồng** số 72, là căn cứ để hai bên thực hiện, cụ thể: Theo hợp đồng, mức lương ông A được hưởng là 23.840.000 đồng, tương đương 1.000 USD (Điều 4). Tuy nhiên, Công ty T2 không thanh toán tiền lương đúng, đủ theo thỏa thuận, cụ thể: Tổng số tiền lương Công ty T2 phải trả cho ông A là: 572.160.000 đồng (23.840.000 đồng x 24 tháng) nhưng tính đến nay, Công ty T2 chỉ mới thanh toán 152.016.000 đồng, cụ thể:

Không thanh toán tiền lương từ tháng 12/2024 đến tháng 7/2025 (08 tháng).

Thanh toán một phần (tháng 2/2024: 8.100.000 đồng; tháng 3/2024: 11.600.000 đồng; tháng 6/2024: 3.065.000 đồng; tháng 9/2024: 5.193.000 đồng; tháng 10/2024: 4.858.000 đồng; tháng 11/2024: Cho ứng 3.500.000 đồng để trả chi phí xin visa).

Các tháng còn lại thanh toán đầy đủ.

* Ông A yêu cầu Tòa án buộc Công ty T2 phải thanh toán tiền lương còn thiếu cho ông, với tổng số tiền: 420.144.000 đồng (572.160.000 đồng - 152.016.000 đồng).

[III] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

(1) Sở Nội vụ tỉnh Q:

- Ngày 08/11/2024, Công ty B có công văn trình Sở LĐTB&XH xin cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài đối với ông A.

- Ngày 14/11/2024, Sở LĐTB&XH thực hiện cấp Giấy phép lao động số 059908 cho ông A làm việc tại Công ty B, là đúng quy định pháp luật, cụ thể: Khoản 1 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điểm a, khoản 9, điều 9 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của Công ty T2-giữ nguyên Giấy phép lao động số 059908.

(2) Công ty Trách nhiệm hữu hạn B: Công ty B tuyển dụng và sử dụng giáo viên nước ngoài (Ông A) là đúng quy định, không vi phạm pháp luật, Sở LĐTB&XH cấp giấy phép lao động của ông A làm việc tại Công ty B là hoàn toàn

hợp lý, đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành. Đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu của Công ty T2-giữ nguyên Giấy phép lao động số 059908.

[IV] Quan điểm của Viện kiểm sát:

(1) Về tố tụng:

- Toà án nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị thụ lý, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty T2, là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Công ty T2 tự nguyện một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn đã tự nguyện rút.

- Yêu cầu phản tố của bị đơn- ông A phải được giải quyết thông qua thủ tục hoà giải của hoà giải viên lao động trước khi yêu cầu Toà án giải quyết; Toà án đã yêu cầu nhưng ông A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giải quyết tranh chấp về tiền lương thông qua thủ tục hoà giải nhưng ông A không cung cấp được. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại đơn yêu cầu phản tố cho ông A.

(2) Về nội dung:

Nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh được thiệt hại thực tế phát sinh do hành vi của ông A gây ra theo quy định tại Điều 130 của Bộ luật Lao động và Điều 584 của Bộ luật Dân sự. Tại phiên toà, Công ty T2 mới giao nộp nhưng không đầy đủ và cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tạm ngừng phiên toà để tiếp tục thu thập chứng cứ để giao nộp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 19 của Bộ luật Lao động; Điểm a, khoản 9 Điều 9 và khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được sửa đổi bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023; Điều 419 của Bộ luật Dân sự để tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(3) Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

(1) Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

- Tranh chấp giữa Công ty T2 (Người sử dụng lao động) và ông A (Người lao động), là tranh chấp lao động cá nhân, phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng lao động có yếu tố nước ngoài. Như vậy, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp, là “*Tranh chấp về vi phạm nghĩa vụ hợp đồng lao động và bồi thường thiệt hại*”,

căn cứ khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Lao động 2019; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5-Quảng Trị.

Theo khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Lao động 2019, tranh chấp về bồi thường, chấm dứt, thực hiện hợp đồng lao động không bắt buộc qua hòa giải cơ sở.

Tại khoản 1 Điều 190 của Bộ luật Lao động 2019, quy định: Thời hiệu khởi kiện tranh chấp lao động cá nhân, là: “01 năm kể từ ngày người khởi kiện biết hoặc phải biết quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”

Công ty T2 phát hiện hành vi của ông A sau khi đã ký kết hợp đồng lao động với Công ty B (sau ngày 10/11/2024) và nộp đơn khởi kiện ngày 01/7/2025, là trong hạn 01 năm. Như vậy, Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty T2, là đúng quy định pháp luật.

(2) Giới hạn xét xử:

(2.1) Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu, cụ thể: Rút yêu cầu “Buộc ông A ra khỏi cơ sở lưu trú của Công ty T2 thuê của Công ty Cổ phần K; địa chỉ Khu Công nghiệp N, phường N, tỉnh Quảng Trị” nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

(2.2) Bị đơn có yêu cầu phản tố về thanh toán tiền lương, đây là tranh chấp về quyền lợi trong quá trình thực hiện hợp đồng, tranh chấp này phải qua hoà giải trước khi khởi kiện được quy định tại Điều 188 của Bộ Luật Lao động năm 2019.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện thủ tục hoà giải tại hoà giải viên lao động thuộc Sở nội vụ nên không được xem xét, giải quyết trong cùng vụ án mà cần trả lại đơn yêu cầu phản tố cho bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 191 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thực hiện thủ tục hoà giải mà không thành, ông A có quyền khởi kiện bằng vụ án lao động riêng về tiền lương.

[II] Về nội dung:

(1) Xem xét Hợp đồng số 28, thấy: Hợp đồng được ký kết đúng quy định tại Điều 14 và Điều 151 của Bộ luật Lao động 2019, hợp đồng có thời hạn, có giấy phép lao động hợp lệ nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

(2) Tại khoản 1 Điều 19 của Bộ luật Lao động 2019, quy định: Người lao động được phép ký nhiều hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động nếu đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ.

Theo quy định tại khoản 9, Điều 9 và khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được sửa đổi bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023, thì: Người lao động nước ngoài làm việc cho nhiều người sử dụng lao động phải được cấp giấy phép lao động riêng biệt.

(3) Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

- Ngày 28/7/2023, ông A được Sở LĐTB&XH cấp Giấy phép lao động số 004804/SLĐ-GP, theo nội dung giấy phép, thì ông A được quyền thực hiện công việc giảng dạy tiếng Anh tại Công ty T2 kể từ ngày 17/8/2023 đến ngày 01/8/2025.

Ngày 14/11/2024, ông A được Sở LĐTB&XH cấp Giấy phép lao động số 059908/SLĐ-GP, theo nội dung giấy phép, thì ông A được quyền thực hiện việc giảng dạy tiếng Anh tại Công ty B kể từ ngày 26/11/2024 đến ngày 24/10/2026.

(4) Như vậy, cùng một thời điểm Cơ quan có thẩm quyền cấp 02 giấy phép lao động riêng biệt cho ông A (Giấy phép lao động số 004804/SLĐ-GP và Giấy phép lao động số 059908/SLĐ-GP). Theo 02 giấy phép, thì ông A được quyền thực hiện công việc “Giáo viên tiếng Anh” tại Công ty T2 và Công ty B; theo quy định của pháp luật lao động, thì ông A phải đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Công ty T2 và Công ty B.

(5) Công ty T2 cho rằng: Theo thoả thuận tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng 28, thì trong thời gian Hợp đồng số 28 còn hiệu lực, ông A chỉ được quyền giảng dạy tiếng Anh tại Công ty T2 (Hạn chế quyền giảng dạy tiếng Anh của ông A khi đã có giấy phép riêng), thấy: Nội dung thoả thuận giữa các bên theo Hợp đồng số 28, không thể hiện (Hạn chế quyền giảng dạy tiếng Anh của ông A khi đã có giấy phép riêng). Trường hợp các bên có thoả thuận thì thoả thuận đó cũng trái quy định tại Điều 10 và Điều 15 của Bộ luật Lao động 2019 (thoả thuận trái pháp luật, là vô hiệu)

(6) Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra thông báo nhưng Công ty T2 không chứng minh được thiệt hại thực tế phát sinh do hành vi của ông A gây ra theo quy định tại Điều 130 của Bộ luật Lao động và Điều 584 của Bộ luật Dân sự.

(7) Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để xác định: Yêu cầu bồi thường của Công ty T2, không có căn cứ để chấp nhận.

(8) Xét yêu cầu huỷ Giấy phép lao động số 059908/SLĐ-GP

Theo điều 21 của Nghị 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được sửa đổi bởi Nghị định 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023, thì việc thu hồi, huỷ giấy phép lao động thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về lao động. Ngoài ra, Hội đồng xét xử, thấy: Sở LĐTB&XH cấp Giấy phép lao động số 059908/SLĐ-GP, là đúng trình tự, thủ tục theo luật định.

[III] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 không được chấp nhận nên Công ty T2 phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 191, Điều 192; Điều 244; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 19; Điều 130; Điều 188 và Điều 190 của Bộ luật Lao động 2016;

- Điều 419 của Bộ luật Dân sự;

- Điểm a, khoản 9 Điều 9 và khoản 4 Điều 12 của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được sửa đổi bởi Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần T2 về việc:

- Buộc ông Abdulmalik Oyindamola A bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần T2, với số tiền: 100.000.000 đồng.

- Hủy Giấy phép lao động số 059908 ngày 14/11/2024 có thời hạn từ ngày 26/11/2024 đến ngày 24/10/2026 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Q (nay là Sở nội vụ tỉnh Q) cấp cho ông Abdulmalik Oyindamola A và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn-Công ty Cổ phần T2 đã rút, cụ thể:

Buộc ông Abdulmalik O Aleem ra khỏi cơ sở lưu trú của Công ty Cổ phần T2 thuê của Công ty Cổ phần K, tại địa chỉ: Khu Công nghiệp N, phường N, tỉnh Quảng Trị.

3. Trả lại đơn yêu cầu phản tố và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu phản tố cho bị đơn-ông Abdulmalik Oyindamola A (Đơn yêu cầu phản tố và các tài liệu, chứng cứ liên quan: Hiện có tại hồ sơ vụ án).

4. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần T2 phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) án phí lao động sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng theo Biên lai thu số 0000044 ngày 07/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị. Công ty Cổ phần T2 còn phải nộp: 1.200.000 đồng (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*) án phí lao động sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/11/2025)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5-Quảng Trị;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Q.Trị;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

Trần Quốc Huy